

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XI MĂNG PHÚ THỌ

Số: 04 /CV-XMPT

V/v: Giải trình chênh lệch LNST

Quý IV năm 2023 và năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

\*\*\*\*\*

Thanh Ba, ngày 15 tháng 01 năm 2024

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước.

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty CP xi măng Phú Thọ xin giải trình LNST lỗ; có sự chênh lệch kỳ này và kỳ trước trong Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty quý IV/2023 và năm 2023 như sau:

**I. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch Quý IV/2023 và Quý IV/2022:**

Chỉ tiêu	Quý IV/2023	Quý IV/2022	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.771	85.181	(35.411)	(41,57)
Các khoản giảm trừ	-	364	(364)	
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	49.771	84.817	(35.047)	(41,32)
Giá vốn hàng bán	53.568	79.757	(26.189)	(32,84)
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	(3.797)	5.060	(8.857)	(175,05)
Doanh thu hoạt động tài chính	0,2	0,1	0,08	124,32
Chi phí tài chính	13.441	11.210	2.231	19,90
Chi phí bán hàng	475	790	(315)	(39,82)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.686	4.029	(343,0)	(8,51)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(21.399)	(10.969)	(10.431)	95,1
Thu nhập khác	-	7,2	(7,2)	-
Chi phí khác	3,0	7,0	(4,0)	-
Lợi nhuận khác	(3,0)	0,2	(3,2)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(21.402)	(10.968)	(10.434)	95,1
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(21.402)	(10.968)	(10.434)	95,1

Lợi nhuận sau thuế Quý IV/2023 của Công ty lỗ 21.402 triệu đồng tăng lỗ 10.434 triệu đồng so với Quý IV/2022( lỗ 10.968 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ Quý IV/2023 là: 49.771 triệu đồng giảm so với Quý IV/2022 (84.817 triệu đồng) là: 41,32% tương ứng với 35.047

triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của Quý IV/2023 là: 52.838,03 tấn xi măng các loại giảm so với Quý IV/2022 ( 79.412,57 tấn) tương đương giảm 33,46 %. Giá vốn hàng bán giảm từ 79.757 triệu đồng của Quý IV/2022 xuống còn 53.568 triệu đồng Quý IV/2023 (giảm 32,84 % tương ứng giảm 26.189 triệu đồng. Năm 2023, giá một số loại nguyên vật liệu tuy không biến động nhiều so với năm 2022 nhưng do nhu cầu xi măng trên thị trường sụt giảm cùng với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường nên tình hình tiêu thụ xi măng gặp nhiều khó khăn. Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của Quý IV/2023 giảm 8.857 triệu đồng.

Chi phí bán hàng của Quý IV/2023 là: 475 triệu đồng giảm 315 triệu đồng so với Quý IV/2022( 790 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của Quý IV/2023 (3.686 triệu đồng) giảm 343 triệu đồng so với Quý IV/2022 (4.029 triệu đồng).

Do biến động của tỷ giá USD đối với các khoản nợ vay ngân hàng đầu tư bằng ngoại tệ (USD) làm cho chi phí tài chính Quý IV/2023 tăng 2.231 triệu đồng so với Quý IV/2022. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý IV/2023 giảm so với Quý IV/2022 là: 10.431 triệu đồng. Lợi nhuận khác giảm 3,2 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế Quý IV/2023 giảm 10.434 triệu đồng so với Quý IV/2022.

## 2. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch năm 2023 và năm 2022:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>188.086</b>	<b>272.376</b>	<b>(84.290)</b>	<b>(30,95)</b>
Các khoản giảm trừ	-	435	(435)	
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	188.086	271.941	(83.855)	(30,84)
Giá vốn hàng bán	194.575	271.786	(77.211)	(28,41)
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV</b>	<b>(6.489)</b>	<b>155</b>	<b>(6.644)</b>	<b>(4.280,23)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	0,6	1,6	(1)	(62,38)
Chi phí tài chính	40.389	37.039	3.350	9,04
Chi phí bán hàng	1.934	2.714	(780)	(28,74)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.722	14.074	(1.352)	(9,61)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(61.534)</b>	<b>(53.671)</b>	<b>(7.863)</b>	<b>14,7</b>
Thu nhập khác	-	485	(485)	-
Chi phí khác	42	50	(8)	-
Lợi nhuận khác	(42)	435	(477)	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(61.576)</b>	<b>(53.236)</b>	<b>(8.340)</b>	<b>15,7</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(61.576)</b>	<b>(53.236)</b>	<b>(8.340)</b>	<b>15,7</b>

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty lỗ 61.576 triệu đồng tăng lỗ 8.340 triệu đồng so với năm 2022( lỗ 53.236 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:



+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ năm 2023 là: 188.086 triệu đồng giảm so với năm 2022 (272.376 triệu đồng) là: 30,95% tương ứng với 84.290 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của năm 2023 là: 190.824,48 tấn xi măng các loại giảm so với năm 2022 ( 272.597,92 tấn) tương đương giảm 30%. Giá vốn hàng bán giảm từ 271.786 triệu đồng của năm 2022 xuống còn 194.575 triệu đồng năm 2023 (giảm 28,41 % tương ứng giảm 77.211 triệu đồng. Năm 2023, giá một số loại nguyên vật liệu tuy không biến động nhiều so với năm 2022 nhưng do nhu cầu xi măng trên thị trường sụt giảm cùng với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường nên tình hình tiêu thụ xi măng gặp nhiều khó khăn. Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của năm 2023 giảm 6.644 triệu đồng.

Chi phí bán hàng của năm 2023 là: 1.934 triệu đồng giảm 780 triệu đồng so với năm 2022( 2.714 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2023 (12.722 triệu đồng) giảm 1.352 triệu đồng so với năm 2022 ( 14.074 triệu đồng).

Do biến động của tỷ giá USD đối với các khoản nợ vay ngân hàng đầu tư bằng ngoại tệ (USD) làm cho chi phí tài chính năm 2023 tăng 3.350 triệu đồng so với năm 2022. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2023 giảm so với năm 2022 là: 7.863 triệu đồng. Lợi nhuận khác giảm 477 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2023 giảm 8.340 triệu đồng so với năm 2022.

Trên đây là giải trình của Công ty CP xi măng Phú Thọ, đề nghị Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT (B/c);
- Ban Kiểm soát( B/c);
- Lưu VP.

**CÔNG TY CP XI MĂNG PHÚ THỌ**  
**XI MĂNG PHÚ THỌ**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trần Tuấn Đạt*